

Ngày Nghinh Ông Bên Vàm Sông Ông Đốc Nguyễn Lê Hồng Hưng

Sông Ông Đốc vàm, giữa tháng hai âm lịch, trên con đường dẫn ra làng ông Nam Hải, nhiều người ăn bận chỉnh tề, nách bưng, tay xách, đầu đội những mâm bánh, mâm xôi, mâm trà, mâm trái cây có phủ giấy kiếng màu đỏ, mâm đầu heo bọc mỡ sa. Có người xách tòn ten cặp gà, cặp vịt, nách kẹp chai rượu để còn đầy. Thấy cảnh này cũng đủ biết năm vừa qua mùa biển trúng, vậy ngày nghinh ông chắc chắn sẽ linh đình.

Ngoài những lễ vật dân trong xóm đem ra cúng, trong làng còn vật thêm đôi heo trẫm ký, hàng trăm con gà vịt cũng bị cắt cổ nhỏ lông.

“Theo truyền thuyết, tục thờ cá ông của ngư dân nước ta có đầu từ đời xưa đời xưa lặn, hồi trước thời Gia Long, cá ông chưa có chức tước, lúc đó ngư phủ còn gọi là thần Nam Hải. Mỗi khi ra khơi gặp sóng to, gió lớn, ghe sắp chìm, ngư phủ hè nhau gọi lớn : "Thần Nam Hải cứu tôi với!". Tức thì thần trỗi lên kê lưng đỡ lườn ghe lội một mạch đưa nghe vô bờ. Theo hầu thần có cặp cá đao, cặp cá đao này ngoài việc bảo vệ thần còn có quyền xử tử nếu thần làm không tròn bổn phận. Thí dụ như có tiếng ngư dân kêu cứu, thần chậm trễ để ghe chìm, người chết, lập tức cặp cá đao day ngang chém mỗi con một đao thì thần sẽ bị đứt lìa ra ba khúc.

Lúc chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn rượt chạy ra biển, bất ngờ gặp bão, thuyền sắp đắm, đám quân sĩ hè nhau kêu cứu, thần liền chạy tới đỡ thuyền ròng đưa vô hòn Sơn Rái, nhờ đó mà vua thoát nạn. Sau này khôi phục được giang sơn, vua nhớ ơn phong cho thần chức Nam Hải Tướng Quân. (Cùng lúc vua cũng phong cho loài rái trắng ở hòn Sơn Rái là Lang Lại Đại Tướng Quân)*. Từ đó về sau ngư dân ra biển gặp nạn, đổi lại kêu tướng quân Nam Hải tới cứu.”

Những làng tằm khác đều có ngày thống nhứt để cúng giỗ hàng năm, nhưng làng ông Nam Hải thì không, cho tới nghi thức lễ bái cũng khác nhau. Chỗ nào có cá ông lụy chỗ đó có làng. Người ta lấy ngày cá ông lụy đầu tiên làm giỗ, ngày đó được gọi là ngày nghinh ông. Những vùng ven biển nước ta có rất nhiều làng ông Nam Hải, nhưng ngày nghinh ông không trùng nhau là vậy.

Người nào gặp ông lụy đầu tiên phải nhận làm con trưởng và chịu tang ba năm. Theo dị đoan, trong thời gian chịu tang người con trưởng phải chịu nghèo khổ, sau đó mới cất lên được.

Buổi sáng tháng hai năm 1948, ông Tư Đạo đi kéo lưới rùng ngoài bãi, thấy ông lụy nằm trên bãi bùn, ông Tư sợ bị nghèo nên bỏ con nước lưới hôm đó mà trốn về xóm. Sau đó có ông đẩy ruốc, gặp ông này không sợ nghèo nên nhận làm con trưởng rồi trở về xóm kêu bà con ra thỉnh ông vô. Thỉnh, có nghĩa là bày nhang đèn, lập bàn hương án đem cỗ ông lụy vái lạy. Xong cột đuôi, xỏ mang ông buột vô lái ghe kéo. Bà con hì hục cả buổi nhưng “thỉnh” ông không chịu ra. Có một người đi bạn cho ông Tư nói lại, chính ông Tư mới là người thấy ông lụy đầu tiên. Bà con vỡ lẽ ra, ben cho người vô xóm bắt ông Tư ra làm lễ chịu tang và nhận làm con trưởng, có như vậy ông mới chịu cho thỉnh về.

Đem ông vô đầu xóm, người ta đào một cái hầm rồi bỏ ông xuống. Trong thời gian này, bà con trong xóm lưới cùng nhau đồn cột, xẻ lá cất lãng. Chờ đến khi ông sinh, rã hết thịt, mới hốt cốt bỏ vô một chiếc quách và lập bàn để lên thờ. Ngày gặp ông lụy là ngày mười sáu tháng hai năm 1948. Dân trong xóm lấy ngày đó làm lễ nghinh ông hàng năm. Về sau có thêm hai ông lụy nữa, thành ra sông Ông Đốc vàm tới năm bảy mươi tám có ba ông, hài cốt được dựng riêng ba quách.

Hồi đó dân cư còn ít và nghèo nên cất lãng lợp mái, dùng vách bằng lá dứa nước, cột bằng cây đước, nằm tơ hơ bên vàm. Mỗi năm tới mùa gió nam mưa to gió lớn, lãng thường bị tốc nóc, bà con trong xóm phải xúm nhau sửa sang lại, Sau này dân cư tụ về đông, sông Đốc vàm trở nên thịnh vượng, bà con bàn nhau lập thành hội lãng. Trong hội gồm có hội trưởng, hội phó, ban tài chánh, ban ẩm thực,

ban tiếp tân. Ngoài ra còn có đội lân, và mười hai người khiêng nhà giàng. Hội còn nuôi một ông già để giữ lăng, ông ấy được gọi là ông Từ Lăng.

Hồi xưa, đình làng có chiếu trên chiếu dưới, và sắp đặt thứ tự chỗ ngồi như thế nào không biết, nhưng lăng ông bây giờ thì không. Dĩ nhiên người lớn không ngồi chung với con nít, vì con nít không biết uống rượu. Ngược lại con nít cũng không thích ngồi chung với người lớn vì sợ ăn uống mất tự nhiên. Có dãy bàn được dành riêng cho chúng mà chúng không chịu ngồi. Nhiều đứa lấy tờ ra sau bếp múc một tô cháo, xin vài cái trứng non bỏ vô cho có thêm hương vị rồi tản mát ra góc hè ngồi 'cháp'. Có đứa rinh cục xôi tổ chẳng với cục thịt khìa, nhón nhác ra ngồi cạp dưới gốc cột cờ. Những ngày này, ra lăng không sợ đói, lại vui vẻ nhờ gặp đủ mặt người quen.

Ngoài lễ lộc hàng năm ra, hội lăng cũng làm được những việc từ thiện cho bà con trong xóm. Nhà nào có đám ma, đám cưới, có thể ra lăng mượn chén, đĩa, bàn ghế. Đám ma nào sang trọng có thể mượn luôn nhà giàng (lúc này mười hai người khiêng nhà giàng trở thành đạo ti). Tết thì có đội lân, múa giúp vui, lân ăn được bao nhiêu tiền đều đem về cho hội. Đoàn lân này do ông Từ Lăng huấn luyện, nhờ ông có võ Thiếu Lâm truyền lại cho các anh trong đội nên con lân được mang râu bạc. Đặc biệt đoàn lân này, ngoài lân, đĩa ra còn có thêm ông Tề múa thiếc bồng dẫn đầu.

Sau năm 1968. lăng ông được dời vô đầu khu hai ven rừng, má. Bây giờ lăng được xây lại thành hình chữ nhật, mái xiên lợp tôn, vách xây bờ tường, tô vôi vàng nhạt, chân tường viền màu đỏ. Phía sau là một chái rộng lợp thiếc, vách lá làm nhà bếp. Trong bếp có hai chảo đựng đặt trên chiếc lò được đắp bằng đất, bên cạnh là buồng chứa nồi niêu, chén, đĩa. Phía sau nhà bếp là một sân lăng de ra mé rạch, là chỗ cạo heo, nhổ lông gà, lông vịt và rửa chén đĩa... Phía trước một khoảng sân rộng có cột cờ cao, nơi đây lâu lâu mấy anh trong đoàn lân ngựa nghè có thể xách lân ra dợt. Trong lăng được ngăn ra làm hai gian : một bên thờ ông, một bên làm phòng khách có xếp ba dãy bàn, góc trong có mấy bộ ván ngựa lót liền nhau, dành riêng cho mấy bà ngồi uống trà, ăn trà, tán gẫu.

Bên gian thờ Ông, trên bàn thờ có ba cái quách màu đỏ đựng cốt ba Ông. Ông lụy đầu tiên để chính giữa kê lên hơi cao một chút, còn hai ông lụy sau này để hai bên tả hữu. Sau ba cái quách, trên vách tường có hàng chữ đỏ đề NAM HẢI TƯỞNG QUÂN. Trước ba cái quách có một lư hương lớn. Cạnh bên trái đặt một bàn thờ thờ những oan hồn người chết vì nghề biển. Phía ngoài có hai tấm màn màu vàng viền ren kim tuyến. Ngày thường màn được phủ xuống, ngày lễ được vén lên để lộ rõ hai cặp đao của cá đao dài gần hai thước vắt chéo nhau, phía trước bàn thờ là một khoảng trống để hành lễ.

Lễ nghinh ông được cử hành lúc hừng đông, vì họ phải đưa ông về biển từ sáng cho tới chiều tối mới trở vô.

Sáng sớm, chiếc nhà giàng đã ráp sẵn để trước sân cờ. Những người theo nghinh ông được phục vụ cơm nước trước. Nhóm khiêng nhà giàng bận đồng phục, áo quần đen viền ren màu vàng. Đội lân cũng sẵn sàng đầy đủ, áo thun trắng, quần đen có hai sọc trắng dọc sườn hai bên ống quần. Giờ hành lễ thì phải chờ mấy ông coi giờ tốt quyết định, nhưng bắt buộc phải ban sáng mới kịp.

Tới giờ nghinh Ông, trước bàn thờ, nhóm khiêng nhà giàng đứng xếp hàng hai bên tả hữu, day mặt lên bàn thờ. Phía trên, trước bàn thờ, có sáu ông bận lễ phục màu vàng, đầu đội mũ cánh chuồn. Bác Tư Đạo với tư cách con trai trưởng bận áo dài khăn đóng màu đen, đi ra lạy trước, xong ông bước vô đứng một bên. Sau đó, sáu ông bận lễ phục bước ra đứng trước bàn thờ vòng tay ngang trán. Tiếp theo, nhóm khiêng nhà giàng bước ra xếp hàng tư cũng vòng tay ngang trán. Một trong sáu ông bận lễ phục bước tới trước bàn thờ đọc một bài văn chiêu hồn :

Hồn hỡi... hồn hỡi... Xa cây xa cối, xa cội xa ngành, cuối bãi đầu gành, hùm tha sáu bắt, chết vì thắc ngật, manh áo chén cơm, U-Minh đồ lòm, rừng tràm xanh biếc, ta thương ta tiếc, lập đàn giải oan... ơ... hồn hỡi... hồn hỡi ơ... ơ... Bái !

Tất cả mọi người ở phía sau đều xuống gối, mọp sát đất lạy một lạy. Tới khi nghe tiếng 'hung' mới cho hai tay lên gối, đứng dậy. Tiếp tục 'hung bái, bái hưng' một chặp, tất cả dạt ra hai bên tả hữu, đứng y

như cũ. Liền theo đó trống chiêng nổi lên, Tề Thiên quây thiết bồng vù vù dẫn đầu lân, địa từ ngoài múa vô, tới trước bàn thờ Ông lạy ba lạy rồi quay đầu trở ra ngoài múa cầm chừng, đợi đám kiêng nhà giàng lên bàn thờ chia nhau bốn người một quách cốt Ông, kiêng ra để lên nhà giàng. Dẫn đầu là đoàn lân, kế tiếp là con trai trưởng của ông bưng lư hương, sau đó là sáu ông bạn lễ phục tiếp theo giàng. Phía sau chót còn có một đám người đi theo hộ tống. Tiếng chiêng, tiếng trống rùm beng, cả đoàn đi dọc theo xóm, ra tới bờ sông, có hai chiếc ghe lớn nổ máy chờ sẵn. Một chiếc chờ cốt Ông, một chiếc chờ đoàn lân. Sau khi những người theo đưa xuống ghe xong hết, ghe bắt đầu tách bến trực chỉ ra vàm. Ghe chờ đoàn lân chạy trước, ghe chờ cốt ông theo sau. Chiêng trống cứ tiếp tục lung tung xèng... Lúc này đoàn lân còn sung sức lắm, người thay phiên nhau múa, ông địa leo lên tới mũi ghe, đu trên cột hàng hải, Tề Thiên quây thiết bồng vù vù....

Mặc dầu những ngày này gió tốt, biển êm rất tiện cho ghe lướt ra khơi, nhưng chánh ngày nghinh Ông, ngư dân trong vùng phải cho ghe đậu lại một ngày để tiễn đưa ông về biển. Ghe được nổ máy trực sẵn trong bờ, chờ cho đoàn ghe chờ Ông ra rới giữa sông, hè nhau một lượt ồ ạt tách bến nổi đuôi ghe nhìn ông. Ghe nào siêng thì chạy đưa ông suốt buổi, làm biếng đưa ra khỏi vàm rồi quay trở vô.

Đoàn ghe nghinh ông chạy ra hướng tây, khỏi hòn Chuối, chạy dọc xuống hướng nam, vòng trở lên hướng bắc, vô hòn Đá Bạc thì trời đã xế chiều. Ngày trước nghe nói người ta chạy tới khi nào thấy Ông vọi (tức là thấy cá ông trùng lên phung nước) mới chịu cho ghe trở về. Bây giờ máy móc nhiều quá, Ông sợ, không dám trùng lên nữa nên mới chạy vô vào lúc trời chiều.

Chiều xuống, đoàn ghe cũng vừa về bến. Những người theo đưa đám chỉ có ngồi nên không thấm mệt. Duy có đoàn lân, thay phiên nhau múa từ sáng tới chiều nên trông đã mệt lử. Tề Thiên, thiết bồng vác vai, xui lơ đi trước, ông Địa giắt quạt bên hông xui xỉ theo sau. Trống, chiêng đánh cầm chừng, lân lâu lâu gật đầu một cái cho có lệ, anh vũ đuôi bây giờ không còn khòm lưng múa cho giống con lân, mà đứng thẳng người lên, hai tay cầm hai rìu đuôi quạt lên quạt xuống, trông con lân bây giờ đít đầu bằng tron nhau.

Sau khi kiêng nhà giàng về lãng, đặt ba cái quách lên bàn thờ, làm thêm một màn 'hưng bái, bái hưng', đọc thêm bài 'hồn hời hồn hời...' xong, mạnhnh ai nấy về nhà tắm rửa, dĩ nhiên không quên chạp tối phải trở lại lãng.

Tối hôm đó, trai tráng trong xóm đựng rượu để với mấy ông già say...chết bỏ ! Lúc đầu còn nói chuyện mùa màng trời trăng mây nước. Chặp sau rượu vào lời ra có hơi ồn ào. Tới khuya đờn ca cổ nhạc trỗi lên. Rượu càng say đờn càng cứng nhịp, đêm càng khuya ca càng mùi mẫn....Tiệc tùng dây dưa cho tới khi gà gáy họ mới chịu chia tay. Ngày nghinh ông đã hết trong cái không khí cởi mở vui tươi.

Chú thích:

Tập tục thờ cúng trong bài vào thời trước năm 1968, về sau chiến tranh có thay đổi ít nhiều. Bây giờ nghe nói dân ngư bên vàm Sông Đốc vẫn còn nghinh ông hàng năm nhưng chắc thay đổi nhiều hơn nữa.

** Tục truyền, hồi vua Gia Long bị Tây Sơn rượt chạy ra tới hòn Sơn Rái, trước khi rút lên núi, quân sĩ để lại nhiều dấu chun trên bãi cát. Bầy rái trắng kéo xuống dẫm hết dấu chun binh sĩ. Khi quân Tây Sơn tới, không thấy dấu vết nên bỏ đi, nhờ vậy Gia Long thoát nạn. Về sau khôi phục Giang Sơn, vì loài rái sống trên núi, vua phong chức Đại Tướng, còn cá ông sống dưới biển nên phong chức Tướng nhỏ hơn rái trắng một bậc.*

Nguyễn Lê Hồng Hưng

6/2006 - Nguồn:<http://vanchuongviet.org>